

**BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM QUỐC GIA**

Số: **256** /VKNQG-TTĐV
V/v dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định,
thẩm định

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **20** tháng **10** năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, thẩm định thiết bị

Căn cứ nhu cầu hiệu chuẩn, kiểm định, thẩm định thiết bị của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia kính mời Quý đơn vị có đủ hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, thẩm định thiết bị và đạt tiêu chuẩn phòng thử nghiệm ISO /IEC 17025: 2017 gửi báo giá dịch vụ theo nội dung như sau:

- Danh mục thiết bị, dụng cụ: *(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển đến địa chỉ của bên mua; Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

- Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng kinh phí mua sắm.

- Thời hạn gửi báo giá: Trước 17h00 ngày 27 tháng 10 năm 2025.

- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng (có chữ ký và đóng dấu của đơn vị).

- Hiệu lực của báo giá có thời gian tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

- Địa điểm liên hệ, nhận báo giá: Trung tâm Dịch vụ khoa học kỹ thuật - Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội.

Hoặc qua email: calib@nifc.gov.vn

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TTĐV, HB.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Lê Thị Phương Thảo



Phụ lục

DANH MỤC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

(Kèm theo Công văn số 256 /VKNQG-TTĐV ngày 20 tháng 10 năm 2025)

TT	Danh mục dịch vụ	Hãng sản xuất	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Ghi chú
1.	Bộ quả cân chuẩn	-	Hiệu chuẩn tại các giá trị : 1mg; 2mg; 2*mg; 5mg; 10mg; 20mg, 50mg, 100mg, 200mg, 200*mg, 500mg, 1g, 2g, 5g, 10g, 20g, 20*g, 50g, 100g, 200g, 200*g	3	
2.	Hệ thống phòng sạch		Kiểm định áp kế chênh áp phòng sạch Thẩm định hiệu năng phòng sạch: Số lượng tiêu phân trong không khí, Chênh lệch áp suất các phòng, Số lần trao đổi khí, Độ rò rỉ màng lọc HEPA, Hướng dòng khí, Thời gian hồi phục, Chênh áp trước và sau màng HEPA, Nhiệt độ, độ ẩm, Cường độ ánh sáng, Độ ồn.	1	
3.	Kiểm định áp kế bình khí nén kiểu lò xo ống	Messer	Kiểm định toàn dải	16	
4.	Máy đo điểm chảy BIBBY STUART SMP30	BIBBY STUART	Sử dụng các chất chuẩn để hiệu chuẩn nhiệt độ nóng chảy của máy ở 3 khoảng nhiệt độ: (Vanillin~83 °C; Sulfanilamid~166 °C; Caffein~237 °C)	1	
5.	Máy đo pH METTLER TOLEDO - S220-Kit	Mettler Toledo	Hiệu chuẩn các thông số: - Độ đúng của thang đo nhiệt độ tại: 15, 25, 35 oC - Độ đúng của thang đo pH: Vùng acid, vùng base - Bù nhiệt của máy tại 15, 35°C - Độ trôi của máy: 1 giờ, 2 giờ - Độ lặp lại	2	
6.	Máy quang phổ hồng ngoại SHIMADZU IRAffinity – 1S	Shimadzu	Với kỹ thuật đo truyền qua: - Độ phân giải ở: 2870,0 và 2849,5 cm-1 ; 1589,0 và 1583,0 cm-1 - Độ đúng số sóng ở : 3060,0 ; 1601,2 ; 1028,3; 906,6 cm-1. - Độ lặp lại của độ truyền quang ở : 3060,0 ; 1601,2 ; 1028,3; 906,6 cm-1.	1	

TT	Danh mục dịch vụ	Hãng sản xuất	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Ghi chú
			Kỹ thuật đo phản xạ (chế độ đo ATR) - Độ đúng số sóng ở : 3059,7; 1601,0; 1027,7; 906,1 cm ⁻¹ . - Độ lặp lại của độ truyền quang ở : 3059,7; 1601,0; 1027,7; 906,1 cm ⁻¹ .		
7.	Máy thử độ hòa tan Pharmatest PTWS 620	Pharmatest	Hiệu chuẩn các thông số: - Độ cân bằng của thiết bị. - Tính hướng tâm của từng cốc hòa tan. - Độ sâu của giỏ quay, cánh khuấy. - Độ rung lắc của trục cánh khuấy, giỏ quay. - Tốc độ quay: 50 vòng/phút, 100 vòng/phút, 150 vòng/phút. - Đồng hồ thiết bị: 15 phút, 30 phút, 45 phút. - Hiệu chuẩn tốc độ quay, thời gian, nhiệt độ. - Sử dụng viên chuẩn Prednison USP để hiệu chuẩn	1	
8.	Máy thử hòa tan Pharmatest PTWS 820D	Pharmatest	Hiệu chuẩn các thông số: - Độ cân bằng của thiết bị. - Tính hướng tâm của từng cốc hòa tan. - Độ sâu của giỏ quay, cánh khuấy. - Độ rung lắc của trục cánh khuấy, giỏ quay. - Tốc độ quay: 50 vòng/phút, 100 vòng/phút, 150 vòng/phút. - Đồng hồ thiết bị: 15 phút, 30 phút, 45 phút. - Hiệu chuẩn tốc độ quay, thời gian, nhiệt độ. - Sử dụng viên chuẩn Prednison USP để hiệu chuẩn	1	
9.	Nhiệt kế thủy ngân	Germany	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (15; 25, 40) °C	3	
10.	Nhiệt kế thủy ngân	Germany	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (5; 10) °C	8	
11.	Nồi hấp DENG GUAN MEDICAL - DGL-50B	Denggua	Hiệu chuẩn ở chu trình hấp: 122 ±1°C/ 60min Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ. Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ trong nồi bị sai lệch nhiều/ không đồng đều. Kiểm định: Mối hàn, đồng hồ áp	1	

TT	Danh mục dịch vụ	Hãng sản xuất	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Ghi chú
			suất, van an toàn. Thử nghiệm đánh giá độ tiết trùng		
12.	Nồi hấp Tomy-ES 315	Tomy	Hiệu chuẩn ở các chu trình hấp: 116±1°C/ 15min; 122±1°C/ 20min; 122±1°C/ 40min. Độ đồng đều/ ổn định nhiệt độ. Hiệu chỉnh và hiệu chuẩn lại nếu nhiệt độ trong nồi bị sai lệch nhiều/ không đồng đều. Kiểm định: Mỗi hàn, đồng hồ áp suất, van an toàn. Thử nghiệm đánh giá độ tiết trùng	1	
13.	Tủ an toàn sinh học EROELONE - K08 L56N4218	EROELONE/It	Thử nghiệm cường độ ánh sáng khả kiến, ánh sáng tím, độ ồn (trạng thái dừng, trạng thái hoạt động), tốc độ gió (dưới màng lọc, ngang tầm làm việc, tại cửa làm việc), chênh lệch áp suất HEPA, tính toàn vẹn của HEPA, hướng của dòng khí, giới hạn tiểu phân.	1	
14.	Tủ an toàn sinh học Safe Fast classic 212	Faster	Thử nghiệm cường độ ánh sáng khả kiến, ánh sáng tím, độ ồn (trạng thái dừng, trạng thái hoạt động), tốc độ gió (dưới màng lọc, ngang tầm làm việc, tại cửa làm việc), chênh lệch áp suất HEPA, tính toàn vẹn của HEPA, hướng của dòng khí, giới hạn tiểu phân.	1	
15.	Tủ cấy vi sinh ESCO OPTIMAR – Việt Nam	Esco	Thử nghiệm cường độ ánh sáng khả kiến, ánh sáng tím, độ ồn (trạng thái dừng, trạng thái hoạt động), tốc độ gió (dưới màng lọc, ngang tầm làm việc, tại cửa làm việc), chênh lệch áp suất HEPA, tính toàn vẹn của HEPA, hướng của dòng khí, giới hạn tiểu phân.	2	
16.	Tủ cấy vi sinh Flow FAST V 12 P	Faster	Thử nghiệm cường độ ánh sáng khả kiến, ánh sáng tím, độ ồn (trạng thái dừng, trạng thái hoạt động), tốc độ gió (dưới màng lọc, ngang tầm làm việc, tại cửa làm việc), chênh lệch áp suất HEPA, tính toàn vẹn của HEPA, hướng của dòng khí, giới hạn tiểu phân.	1	

TT	Danh mục dịch vụ	Hãng sản xuất	Mô tả dịch vụ	Số lượng	Ghi chú
17.	Nhiệt ẩm kế tự ghi DWL-20	Trung Quốc	- Hiệu chuẩn ở nhiệt độ: 15°C; 25°C; 35°C - Hiệu chuẩn ở độ ẩm: 40%; 60%; 80%	20	
18.	Nhiệt ẩm kế tự ghi DWL-20E	Trung Quốc	- Hiệu chuẩn ở nhiệt độ: 15°C; 25°C; 35°C - Hiệu chuẩn ở độ ẩm: 40%; 60%; 80%	4	
19.	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm (theo dõi từ ẩm) DHT-1	Digital Hygro – Thermometer	Hiệu chuẩn nhiệt độ: (25°C±1, 30°C±1, 37°C±1, 44°C±1)	3	
20.	Thiết bị đo nhiệt độ, độ ẩm (theo dõi từ ẩm) ETI	ETI/ Korea	Nhiệt độ hiệu chuẩn: (30±1; 37±1; 41,5±0,5; 44±1)°C	1	

